

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v: “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Đan Thanh và bà Nguyễn Thị Mai Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024; Thông báo số 377/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Thông báo số 383/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Tạ Thị Hồng M - sinh năm 1981 (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* anh Cù Văn T - sinh năm 1984 (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng M trình bày:

Chị và anh Cù Văn T đã quen biết nhau, phát sinh tình cảm và quyết định sống chung như vợ chồng vào năm 2018. Đến tháng 02/2020, do tình hình dịch bệnh C -

19 diễn biến phức tạp nên chị đã bán căn nhà của chị tại Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển về nhà anh T tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận sinh sống. Đến ngày 22/02/2020, chị bỏ tiền ra mua căn nhà của mẹ ruột anh T là bà Mai Thị H và anh T, để sửa chữa lại mặt bằng kinh doanh, xây nhà trọ cho thuê. Đến tháng 6/2020, chị và anh T chuyển đến Khu K, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận để buôn bán. Chị và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2020 tại UBND phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung vợ chồng, chị và anh T có một con chung tên là Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020. Sau khi kết hôn và sinh con thì anh T không còn quan tâm, chăm sóc mẹ con chị, không còn ở chung với chị mà thường xuyên về nhà tại Quán T, xã P sinh sống. Đến tháng 11/2020, chị phát hiện anh T đang sống chung với người phụ nữ khác, và có 01 con chung đã được 02 tuổi nên chị không đồng ý, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 11/2020, chị và anh T không còn sống chung với nhau từ đó đến nay. Hiện nay, chị và cháu Cù Minh A đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh; còn anh T đang sống tại Ninh Thuận, không còn liên lạc với nhau. Chị phải đi làm thuê để có tiền trang trải cuộc sống, nuôi con. Vì vậy, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Cù Văn T; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020 và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu đồng*); Về nợ chung, tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do bận công việc ở xa tại Thành phố Hồ Chí Minh nên chị yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án và yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án trong vụ án này.

Bị đơn anh Cù Văn T trình bày:

Anh và chị Tạ Thị Hồng M sống chung như vợ chồng từ đầu năm 2019, đến khi chị M mang thai được 03 (*Ba*) tháng thì đi đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2020 tại UBND phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh và chị M có 01 con chung tên là Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020, hiện đang sống với chị M tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Tuy nhiên, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu đồng*). Vì hiện nay, anh không có công việc ổn định, chỉ làm nghề lái xe taxi tự do, chỉ đủ trang trải cuộc sống bản thân; anh đang nuôi mẹ già là bà Mai Thị H; đang phải cấp dưỡng nuôi con của hai người vợ trước, mỗi tháng 3.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba triệu đồng*) nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng chị M yêu cầu. Vì vậy, nếu chị M trực tiếp nuôi con thì anh không cấp dưỡng nuôi con; nếu không đồng ý, thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cù Minh A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Anh xác nhận trước đây, anh có hai người vợ, người vợ gần nhất đã ly hôn là chị Lê Thị Bé H1. Anh và chị H1 kết hôn vào ngày 23/10/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã ly hôn vào ngày 10/01/2022.

Về nợ chung, tài sản chung: không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Do bận công việc lái xe nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tạ Thị Hồng M và anh Cù Văn T đều vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Tạ Thị Hồng M được ly hôn anh Cù Văn T; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020; chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), buộc anh Cù Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Cù Minh A mỗi tháng 2.500.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự túc được; không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng của chị M. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị M và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tạ Thị Hồng M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Cù Văn T; yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Cù Văn T hiện đang cư trú tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây vụ án hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con; Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị Hồng M và anh Cù Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt, đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Quá trình giải quyết vụ án, anh Cù Văn T cung cấp cho Tòa án Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2022/QĐCNTTLH ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trên cơ sở đó, Tòa án đã xác minh và được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cung cấp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2018 ngày 23/10/2018 của UBND xã T, huyện C. Căn cứ các tài liệu nêu trên, đủ căn cứ xác định anh Cù Văn T và chị Lê Thị Bé H1 xác lập quan hệ hôn nhân từ ngày 23/10/2018 đến ngày 10/01/2022 thì chấm dứt. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2020 ngày 13/10/2020 tại UBND phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện anh Cù Văn T và chị Tạ Thị Hồng M đăng ký kết hôn ngày 13/10/2020, là đăng ký kết hôn trong thời kỳ hôn nhân của anh T với chị H1 nên là kết hôn trái pháp luật theo quy định tại khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do anh T và chị H1 đã chấm dứt quan hệ hôn nhân vào ngày 10/01/2022 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 09/2022/QĐCNTTLH ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, nên đến nay hôn nhân giữa anh T và chị M đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; việc đăng ký kết hôn này tại đúng cơ quan có thẩm quyền. Trong vụ án này cả chị M và anh T cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn; đều xác nhận hiện nay không còn sống chung, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng; chị M yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, anh T cũng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng, điều này chứng tỏ các bên không có thiện chí hòa giải hàn gắn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Hội đồng xét xử quyết định cho chị M và anh T được ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Chị M và anh T xác nhận có 01 con chung tên Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020, hiện đang sống với chị M từ trước đến nay nên việc chăm sóc, giáo dục con của chị M sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường của cháu Cù Minh A. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nên cần giao cháu Cù Minh A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[3.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 5.000.000 đồng. Chị M đã cung cấp những bản phô tô thể hiện chi phí

đi học; tự tính và liệt kê các khoản chi phí sinh hoạt của cháu Cù Minh A để chứng minh cho yêu cầu mức cấp dưỡng này. Tuy nhiên, anh T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm triệu đồng*). Vì hiện nay, anh không có công việc ổn định, chỉ làm nghề lái xe taxi tự do, chỉ đủ trang trải cuộc sống bản thân; anh đang nuôi mẹ già; đang phải cấp dưỡng nuôi 02 con của hai người vợ trước nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng chị M yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng*”. Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “*2. Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. 3. Trường hợp các bên không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định phương thức cấp dưỡng hàng tháng hoặc phương thức khác phù hợp với nhu cầu, lợi ích của con và điều kiện kinh tế của người cấp dưỡng.*”

Xét thấy, do giữa chị M và anh T không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng. Hiện nay, anh T đang cấp dưỡng nuôi con chung tên là Cù Thiên L mỗi tháng 1.000.000 đồng, theo Quyết định số 16/2015/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận và đang cấp dưỡng nuôi con chung tên là Cù Văn X, mỗi tháng 2.000.000 đồng theo Quyết định số 09/2022/QĐCNTTLH ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, tổng cộng là 3.000.000 đồng; anh T làm nghề lái xe taxi và đang cư trú tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Vùng IV, mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng, theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ). Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi cháu Cù Minh A là 2.500.000 đồng mỗi tháng là phù hợp nhu cầu thiết yếu của cháu A và thu nhập, khả năng thực tế của anh Cù Văn T; Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Cù Minh A mỗi tháng 2.500.000 đồng, cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng M về việc yêu cầu ly hôn anh Cù Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020; chấp nhận một phần yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn; không chấp nhận ý kiến của bị đơn anh T về việc không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung khi giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; không chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp; Bị đơn anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Các điều 3, 5, 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp; Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 và khoản 6 của Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng M về việc yêu cầu ly hôn anh Cù Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020; chấp nhận một phần yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Hồng M được ly hôn anh Cù Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Tạ Thị Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cù Minh A, sinh ngày 30/7/2020. Buộc anh Cù Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung tên là Cù Minh A với mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.500.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân

sự năm 2015.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

- Chị Tạ Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) mà chị M đã nộp theo Biên lai thu số 0001646 ngày 17/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Cù Văn T phải chịu 300.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tổng đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Tâm

